

Số: 08/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Bình, ngày 27 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Trung Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Trương Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 20/2023/TLST - HNGĐ ngày 04/8/2023 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số: 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978; địa chỉ: 1619/3 P, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin giải quyết vắng mặt;

+ Bà Trương Thị Thanh N, sinh năm 1981; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: xã An N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại: 3-35, Geumgwan - daero 1180 beon - kil, Gimhae - si, Gyeongsangnam - do, Hàn Quốc; có đơn xin giải quyết vắng mặt;

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn L và bà Trương Thị Thanh N đều thống nhất trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Trương Thị Thanh N có quá trình tìm hiểu nhau tự nguyện và cả hai cùng thống nhất đi đến hôn nhân và đã đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2002 tại UBND xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do các bên không hợp tính nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hòa hợp. Tình trạng này diễn ra kéo dài nên không còn khả năng hàn gắn và vợ chồng đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài, đời sống hôn nhân trên thực tế của vợ

chồng không còn tồn tại. Vì vậy, các bên đương sự đều có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Trương Minh A, sinh ngày 05/4/2003. Hiện nay con chung trên 18 tuổi, đã tự lập và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung yêu cầu giải quyết việc ly hôn và xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam thì hiện tại bà Trương Thị Thanh N hiện đang cư trú tại 3-35, Geumgwan - daero 1180 beon - kil, Gimhae - si, Gyeongsangnam - do, Hàn Quốc. Vì vậy, việc dân sự được xác định có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, các bên đương sự đều có đơn yêu cầu, bản tự khai gửi cho Tòa án và đề nghị giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Vì điều kiện ở xa, việc đi lại khó khăn, nên các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản tự khai của các bên đương sự và giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01-2002 của UBND xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã có đủ cơ sở xác định: ông Nguyễn Văn L và bà Trương Thị Thanh N đã đăng ký kết hôn ngày 18/12/2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, cho nên quan hệ hôn nhân của các bên đương sự là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, các bên đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn nhau là hoàn toàn phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Các bên đương sự đều thừa nhận có một con chung là cháu Nguyễn Trương Minh A, sinh ngày 05/4/2003. Hiện nay, con đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí: Bà Trương Thị Thanh N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29, Điều 37; khoản 2 Điều 149; các Điều 149, 361, 367, 369, 370, 371, 478 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn L và bà Trương Thị Thanh N.

2. Về con chung: Các đương sự có một con chung là cháu Nguyễn Trương Minh A, sinh ngày 05/4/2003 nay đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết

4. Về lệ phí: Bà Trương Thị Thanh N tự nguyện chịu nộp toàn bộ 300.000 lệ phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005533 ngày 01/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Xác nhận đương sự đã nộp đủ lệ phí.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã An N, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Trung Thành

